

BÀI HỌC TỪ HIỆP ĐỊNH GIƠ – NE – VƠ SAU 65 NĂM NHÌN LẠI, VẬN DỤNG VÀO GIẢNG DẠY CHƯƠNG 3 MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.

I. HIỆP ĐỊNH GIƠ – NE – VƠ NĂM 1954.

1. BỐI CẢNH LỊCH SỬ.

Tháng 7 năm 1953, chỉ huy mới của quân Pháp, tướng Henri Navarre, đến Đông Dương. Được sự hứa hẹn về việc Mỹ tăng viện trợ quân sự, Navarre chuẩn bị cho một cuộc tổng phản công mà báo chí Pháp và Mỹ gọi là "Kế hoạch Navarre".

Ngày 18 tháng 7 năm 1953, Navarre mở cuộc hành quân Hironnelle ("Con én") vào Lạng Sơn và cuộc hành binh "Camargue" vào Quảng Trị nhằm phá hủy được một số dụng cụ và máy móc của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ở Lạng Sơn, quân Pháp lùng sục các kho tàng rồi vội vã rút chạy. Sau đó, truyền thông Pháp loan tin quân đội đã diệt được hai tiểu đoàn, một số căn cứ trong khu tam giác là mối đe dọa trên quốc lộ số 1.

Liên tiếp với hai cuộc hành quân này, ngày 9 tháng 8 năm 1953, Pháp rút quân ra khỏi Nà Sản bằng không vận. Trước đây, năm 1952, Pháp đặt cứ điểm Nà Sản để ngăn Quân đội Nhân dân Việt Nam tiến công quân Pháp ở Lào.

Ngày 15 tháng 10 năm 1953, Navarre mở Cuộc hành quân Moutte vào Ninh Bình và Thanh Hóa hòng giành lại thế chủ động trên chiến trường chính. Mục đích chính lại là phá các căn cứ hậu cần tiền duyên của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong cuộc tiến công 1953–1954 được cho là sẽ diễn ra ở đồng bằng. Nhưng thực sự trong kế hoạch Quân đội Nhân dân Việt Nam được đề ra hồi tháng 9, đồng bằng Bắc Bộ chỉ là chiến trường phối hợp. Cuộc hành quân Moutte diễn ra là sự suy đoán sai của Navarre cùng sự xuất sắc của bộ đội mật mã Việt Nam.

Tháng 11 năm 1953, Navarre mở cuộc hành quân Castor đánh chiếm Điện Biên Phủ – Khu vực mà ông cho rằng có vị trí chiến lược chặn giữa tuyến đường chính của Quân đội Nhân dân Việt Nam sang Lào. Navarre xem căn cứ này vừa là một vị trí khóa chặn, vừa là một cái bẫy để nhử đối phương vào một trận đánh lớn theo kiểu kinh điển và có tính chất quyết định mà tại đó Quân đội Nhân dân Việt Nam sẽ bị tiêu diệt bởi pháo binh và hỏa lực không quân vượt trội của Pháp. Navarre đã chọn Điện Biên

Phủ - vùng đất nằm trong một thung lũng lớn, cách Hà Nội 200 dặm đường không, với sự chi viện của khoảng 400 máy bay. Quân Pháp sau những trận đánh nóng thất bại đã nhường các điểm cao xung quanh cho Quân đội Nhân dân Việt Nam, Navarre cho rằng khi đó Quân đội Nhân dân Việt Nam không đủ khả năng đưa pháo lên Điện Biên Phủ nên sẽ không có nguy hiểm gì từ các điểm cao. Điện Biên Phủ được Navarre xem như là một "*cái nhọt tu độc*", hút hết phần lớn chủ lực của Quân đội Nhân dân Việt Nam và đảm bảo an toàn cho đồng bằng Bắc Bộ.

Khi đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đang nghĩ tới một cuộc tấn công, hy vọng sẽ mở được một con đường xuyên Lào thọc qua Campuchia. Sau đó đưa lực lượng Quân đội Nhân dân Việt Nam tại miền Bắc vào chi viện bổ sung cho lực lượng sẵn có ở Nam Bộ. Trong cuộc họp tháng 11 năm 1953 của Bộ Quốc phòng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các chỉ huy quân sự quyết định mở Chiến cục đông xuân 1953–1954 để xé lẻ khối quân chủ lực của Pháp đang co cụm đồng bằng Bắc Bộ. Các vị trí tiến công được xác định ở Lai Châu, Trung – Hạ Lào và Tây Nguyên. Ý tưởng tuyến đường chiến lược xuyên Lào sẽ được thực hiện một phần trong tương lai thông qua con đường mòn Hồ Chí Minh.

Chiến dịch Lai Châu và Chiến dịch Trung Lào tháng 12 năm 1953 đến tháng 1 năm 1954 đã giúp Quân đội Nhân dân Việt Nam nắm giữ mảng lớn còn lại của vùng Tây Bắc (Điện Biên Phủ chỉ là một thung lũng nhỏ) và phần lớn vùng Trung và Nam Lào.

Để đối phó, Navarre tăng cường cho Điện Biên Phủ khiến nó trở thành một "*pháo đài bất khả xâm phạm*" trong con mắt phương Tây. Nhưng Navarre không hề biết rằng bản thân đã rơi vào một cái "bẫy" của Võ Nguyên Giáp khi "đặt bẫy" đối thủ của mình. Việc xây dựng một tập đoàn cứ điểm ở vùng núi Tây Bắc hiểm trở hút đi của Pháp những đơn vị thiện chiến nhất. Điều đó tạo nên khoảng trống không thể bù vào ở đồng bằng Bắc Bộ.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp quyết định vào "bẫy", và đưa vào Điện Biên Phủ 4 sư đoàn với một số lượng lớn pháo xấp xỉ quân Pháp ở Điện Biên Phủ, dù cơ số đạn hạn chế (chủ yếu là thu được của Pháp; phần Trung Quốc viện trợ rất hạn chế do nước này tham chiến tại Triều Tiên). Những cuộc tiến công trên toàn Đông Dương không cho Pháp tập hợp một đội quân cơ động ứng cứu. Những đơn vị phòng không đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam được huấn luyện ở Liên Xô về nước tham chiến. Một lực lượng

không lờ dân công làm công tác vận tải. Các đơn vị mạnh nhất của Quân đội Nhân dân Việt Nam bao vây quân Pháp ở Điện Biên Phủ.

Cuộc vây hãm Điện Biên Phủ diễn ra từ ngày 13 tháng 3 đến ngày 7 tháng 5 khi quân Pháp đầu hàng. Ở Washington đã có cuộc tranh luận về việc Mỹ có nên trực tiếp can thiệp bằng quân sự, nhưng tổng thống Eisenhower đã quyết định loại bỏ khả năng này do chính quyền Anhsê không ủng hộ.

Cục diện chiến trường Đông Dương, tại thời điểm trong và sau Chiến dịch Điện Biên Phủ, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa kiểm soát khoảng lãnh thổ Việt Nam, nhưng chủ yếu là các vùng nông thôn và rừng núi, một số thị xã nhỏ, chưa kiểm soát được các thành phố lớn, Pháp kiểm soát một số tỉnh đồng bằng và các thành phố lớn đông dân cư, một số tỉnh đồng bằng nằm trong vùng tranh chấp. Việt Minh kiểm soát gần như toàn bộ miền Bắc Việt Nam nhưng tại miền Nam Việt Nam, Quân đội Quốc gia Việt Nam và quân đội Pháp chiếm ưu thế, quân đội riêng của các giáo phái tự trị cũng khá mạnh nên Việt Minh chỉ kiểm soát được một số vùng tại Nam Trung Bộ, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ.

Sau 56 ngày đêm, cứ điểm Điện Biên Phủ thất thủ, toàn bộ 16000 quân Pháp bị tiêu diệt hoặc bị bắt làm tù binh. Điện Biên Phủ là chiến thắng quân sự lớn nhất của Quân đội Nhân dân Việt Nam trong toàn bộ chiến tranh Đông Dương. Trên phương diện quốc tế trận này có một ý nghĩa rất lớn: lần đầu tiên quân đội của một quốc gia thuộc địa châu Á đánh thắng bằng quân sự một quân đội của một cường quốc châu Âu. Trận Điện Biên Phủ đã đánh bại ý chí duy trì Đông Dương là lãnh thổ thuộc Liên hiệp Pháp của Pháp và buộc nước này ra khỏi Đông Dương. Ngày 8 tháng 5, hội nghị Geneva bắt đầu họp bàn về vấn đề khôi phục hòa bình ở Đông Dương.

2. THÀNH PHẦN THAM DỰ.

- Phái đoàn Anh, do Anthony Eden làm trưởng đoàn.
- Phái đoàn Hoa Kỳ, do Bedell Smith làm trưởng đoàn.
- Phái đoàn Liên bang Xô viết, do Viacheslav Molotov làm trưởng đoàn.
- Phái đoàn Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, do Chu Ân Lai làm trưởng đoàn.
- Phái đoàn Pháp, do Georges Bidault làm trưởng đoàn.
- Phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn.

- Phái đoàn Quốc gia Việt Nam, do Nguyễn Quốc Định làm trưởng đoàn sau thay thế bởi Nguyễn Trung Vinh rồi Trần Văn Đỗ (không được tham gia đàm phán tại hội nghị, việc đàm phán do phái đoàn Pháp thực hiện và chỉ thông báo lại sau khi ký kết).
- Phái đoàn Vương quốc Lào, do Phumi Sananikone làm trưởng đoàn (không tham gia đàm phán trực tiếp, ủy nhiệm cho phái đoàn Pháp).
- Phái đoàn Vương quốc Campuchia, do Tep Than, làm trưởng đoàn (không tham gia đàm phán trực tiếp, ủy nhiệm cho phái đoàn Pháp).
- Hai phái đoàn Pathet Lào và Khmer Issarak không được chính thức tham gia hội nghị mà ủy nhiệm cho phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tất cả các nguyện vọng của hai đoàn này được Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trình bày trước hội nghị.

Hai đồng chủ tịch Hội nghị là Liên Xô và Anh.

3. NỘI DUNG HIỆP ĐỊNH GIƠ – NE – VƠ

Hiệp định Genève 1954 (tiếng Việt: Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954) là hiệp định đình chiến được ký kết tại thành phố Genève, Thụy Sĩ để khôi phục hòa bình ở Đông Dương. Hiệp định dẫn đến chấm dứt sự hiện diện của quân đội Pháp trên bán đảo Đông Dương, chính thức chấm dứt chế độ thực dân Pháp tại Đông Dương. Hiệp định hình thành sau 75 ngày đàm phán với 8 phiên họp rộng và 23 phiên họp hẹp cùng các hoạt động tiếp xúc ngoại giao dồn dập đằng sau các hoạt động công khai. Hiệp định được ký ngày 20/7/1954 có nội dung:

- Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, không can thiệp vào công việc nội bộ 3 nước.
- Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình trên toàn Đông Dương
- Các bên tham chiến thực hiện cam kết, chuyển quân, chuyển giao khu vực, trao trả tù binh
- Dân chúng mỗi bên có quyền di cư sang lãnh thổ do bên kia kiểm soát trong thời gian quân đội hai bên đang tập kết
- Cấm đưa quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí nước ngoài vào Đông Dương. Nước ngoài không được đặt căn cứ quân sự tại Đông Dương
- Thành lập Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến Đông Dương (tiếng Anh: International Control Commission, ICC; tiếng Pháp: Commission Internationale pour

la Surveillance et le Contrôle, CISC) gồm Ấn Độ, Ba Lan và Canada, với Ấn Độ làm chủ tịch.

- Sông Bến Hải, vĩ tuyến 17, được dùng làm giới tuyến quân sự tạm thời chia Việt Nam làm hai vùng tập kết quân sự tạm thời. Quân đội Nhân dân Việt Nam tập trung về phía Bắc; Quân đội Liên hiệp Pháp (bao gồm cả Quân đội Quốc gia Việt Nam) tập trung về phía Nam, tập kết chính trị tại chỗ, tập kết dân sự theo nguyên tắc tự nguyện. Khoản a, điều 14 ghi rõ: "*Trong khi đợi tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, bên nào có quân đội của mình tập hợp ở vùng nào theo quy định của Hiệp định này thì bên ấy sẽ phụ trách quản lý hành chính ở vùng ấy.*"

Điều 6 Bản Tuyên bố chung ghi rõ: "*Đường ranh giới quân sự tạm thời này không thể diễn giải bằng bất cứ cách nào rằng đó là một biên giới phân định về chính trị hay lãnh thổ.*"

Hiệp định Genève không có điều khoản nào quy định chi tiết về thời điểm cũng như cách thức tổ chức Tổng tuyển cử thống nhất hai miền Nam-Bắc Việt Nam. Nhưng Bản tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève ghi rõ cuộc Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7/1956.

II. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thành công và hạn chế của Hội nghị Giơnevơ .

Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương là một hội nghị quốc tế, với sự tham gia của 9 bên. Các nước lớn đến Hội nghị để giải quyết hòa bình cuộc chiến tranh Đông Dương với những động cơ không giống nhau, bao gồm những mục đích riêng và cả những toan tính cho một ván cờ mới. Hội nghị đã diễn ra rất phức tạp trong sự đấu tranh quyết liệt của đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sự dàn xếp của các nước lớn. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết. Hiệp định này cùng với chiến thắng Điện Biên Phủ đã kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương, đáp ứng nguyện vọng hoà bình của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, một hội nghị quốc tế với sự tham dự của nhiều cường quốc đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào và Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Nhìn chung, các nước châu Á, kể cả

Trung Quốc, khi tới hội nghị này không được coi là có vai trò bình đẳng với các nước phương Tây. Họ tham dự Hội nghị không mang ý nghĩa là được sự thừa nhận của các nước khác. Nhưng cuối cùng những nguyên tắc về chủ quyền quốc gia dân tộc đã được thừa nhận. Cùng với những giá trị được khẳng định, Hội nghị Gionevơ cũng còn một số điểm hạn chế:

- Lẽ ra việc đàm phán để kết thúc chiến tranh phải là công việc chủ yếu giữa các lực lượng kháng chiến ở Đông Dương với Pháp. Nhưng trật tự thế giới hai cực và cục diện chiến tranh lạnh đã chi phối kết quả việc giải quyết cuộc chiến tranh bằng một hội nghị quốc tế, với sự tham gia của nhiều cường quốc với những lợi ích khác nhau.

- Hội nghị đã quyết định những vấn đề có liên quan đến các lực lượng kháng chiến ở Lào và Campuchia mà không có sự tham gia của các chính phủ kháng chiến ở hai nước này.

- Việc xác định ranh giới quân sự tạm thời và phân chia khu vực tập kết chuyển quân ở Việt Nam không phải vĩ tuyến 13 hay 16 theo phương án đấu tranh của Việt Nam, mà là vĩ tuyến 17. Việt Nam phải bỏ lại toàn bộ vùng giải phóng khu V và nhiều vùng tự do phía Nam vĩ tuyến 17 làm vùng tập kết, chuyển quân cho Pháp. Ở Lào, lực lượng kháng chiến chỉ được một vùng tập kết gồm hai tỉnh Sầm Nưa và Phôngxalỳ. Lực lượng kháng chiến Campuchia phải phục viên tại chỗ.

- Thời hạn tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam không phải là 6 tháng như phương án của Việt Nam, mà là 2 năm.

- Về việc thi hành, trên thực tế Hiệp định Gionevơ chỉ được thực hiện một phần: chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương; tập kết, chuyển quân theo khu vực và thời gian quy định. Việc tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam đã không thể thực hiện do chính sách can thiệp và xâm lược của Mỹ, và do vậy, một cuộc chiến tranh mới cũng bắt đầu.

Rõ ràng là Hiệp định Gionevơ chưa phản đầy đủ thắng lợi của nhân dân Việt Nam nói riêng, nhân dân ba nước Đông Dương nói chung trên chiến trường và xu thế của cuộc chiến tranh. Cả Việt Nam, Lào và Campuchia đều có phần thiệt thòi do sự chi phối của xu thế hoà hoãn và sự thoả hiệp của các nước lớn.

Tại Hội thảo quốc tế Chiến thắng Điện Biên Phủ - 50 năm nhìn lại (4-2004), nữ luật gia người Pháp (Laury Anne Bellessa) nhận xét: "Nếu chúng ta đi sâu vào chi tiết các cuộc thương lượng, chúng ta sẽ nhận thấy rằng các điều khoản của Hiệp định chỉ để

nhằm làm thoả mãn các cường quốc... Vì muốn bảo vệ quyền lợi của mình ở khu vực Đông Nam Á mà các cường quốc đã tự quy định phần lớn các điều khoản trong hiệp định, không cần tính đến phản ứng của các nước Đông Dương. Không còn sự lựa chọn nào khác, các nước Đông Dương phải nhượng bộ trước các áp lực rất lớn này... Thắng lợi trên thực địa nhưng tại bàn Hội nghị, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà không thể khai thác được thế mạnh quân sự của mình". Còn Hugues Tertrais), giáo sư Đại học Pentéon Sorbone Paris 1, khẳng định: "Năm 1954, chiến thắng của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phần nào bị ngăn trở do sức nặng của thời kỳ "hoà hoãn đôi bên". Theo ông, "tuy có chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Nam đã tham gia vào nhóm các đất nước bị chia cắt - Triều Tiên và Đức là những nước bị chia cắt trầm trọng. Quả thực Việt Nam trở lại với hiện trạng xưa (statu quo ante), hiện trạng của năm 1945: Việt Nam và cả Đông Dương đã từng bị chia cắt ở vĩ tuyến 16; năm 1954, sau một cuộc đàm phán ngắn ngủi, Việt Nam lại bị phân chia mà giới tuyến là vĩ tuyến 17".

Tóm lại, kết quả của cuộc đàm phán chưa ngang tầm với thắng lợi của nhân dân Việt Nam trên chiến trường, mà đã có những nhân nhượng. Bối cảnh Đông Dương và quốc tế lúc đó cũng không cho phép ba dân tộc ở Đông Dương tiếp tục kháng chiến để giành thắng lợi quân sự cao hơn nữa. Nhưng đấu tranh ngoại giao là thế. Việt Nam từ rừng núi đi thẳng tới Gionevơ, rất thiếu kinh nghiệm, chưa nắm được quyền chủ động hoàn toàn. Các Chính phủ kháng chiến Lào và Campuchia không được dự hội nghị.

Đối với dân tộc Việt Nam, Hiệp định Gionevơ mới chỉ là một mốc đánh dấu sự kết thúc một chặng đường trong quá trình đấu tranh lâu dài và gian khổ để đi tới độc lập tự do. Trong phiên họp cuối cùng tại Hội nghị, Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã hướng về đồng bào của mình nói những lời đầy tâm huyết và mang tính dự báo: "Nhân dân Việt Nam! Đồng bào miền Nam! Thắng lợi thuộc về chúng ta! Độc lập và thống nhất Tổ quốc chúng ta là ở trong tay chúng ta. Những người yêu chuộng hoà bình và công lý trên toàn thế giới đều đồng tình với chúng ta. Đồng bào hãy nhớ lấy lời Hồ Chủ tịch: "Cuộc đấu tranh phải gian khổ, nhưng cuối cùng chúng ta nhất định thắng". Thực tiễn lịch sử đó để lại nhiều bài học để giải quyết các vấn đề trong quan hệ giữa Việt Nam và thế giới, giữa đất nước và thời đại trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập ngày nay.

2. Bài học về đánh giá chính xác tình hình quốc tế, nhất là thái độ của các nước lớn trong hoạt động đối ngoại

Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương chịu tác động tiêu cực của xu thế hòa hoãn giữa các nước lớn và cục diện Chiến tranh lạnh. Các cường quốc tham gia Hội nghị có lợi ích và động cơ khác nhau.

Mỹ là nước có chiến lược "ưu tiên cho Châu Âu", nhưng sau khi cách mạng Trung Quốc thắng lợi (10-1949), họ coi trọng cả khu vực Châu Á. Sau khi đình chiến ở Triều Tiên (7-1950), Mỹ can thiệp sâu hơn vào Đông Dương, tăng cường viện trợ cho Pháp nhằm kéo dài và mở rộng chiến tranh, Mỹ sợ "để mất Đông Dương vào tay cộng sản" và làm "nguy kịch cho nền an ninh của Mỹ". Tuy nhiên, trong vấn đề Đông Dương, Mỹ và Pháp là những kẻ "đồng sàng dị mộng". Pháp muốn được sự giúp đỡ của Mỹ để giành thắng lợi, còn Mỹ lại muốn gạt chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp và thiết lập chủ nghĩa thực dân mới của mình.

Anh là nước ủng hộ Pháp xâm lược Đông Dương, nhưng cũng là nước còn nhiều quyền lợi ở Đông Nam Á, không muốn chiến tranh ở khu vực này mở rộng và bị quốc tế hoá. Anh cũng cho rằng đình chiến ở Triều Tiên sẽ dẫn tới việc đàm phán về những vấn đề rộng lớn hơn, trong đó có Đông Dương. Liên Xô ủng hộ nhân dân Đông Dương kháng chiến chống Pháp. Tuy nhiên, với đường lối hoà hoãn, Liên Xô mong muốn đi đến giải pháp hoà bình nhằm ngăn chặn việc Mỹ có thể mở rộng chiến tranh ở đây và thúc đẩy xu thế làm dịu tình hình thế giới. Liên Xô chủ trương triệu tập một hội nghị năm nước lớn (Liên Xô, Anh, Mỹ, Pháp và Trung Quốc) để tìm biện pháp giảm bớt tình hình căng thẳng ở Viễn Đông. Sự điều chỉnh chiến lược của Mỹ làm cho Trung Quốc bị đe dọa trực tiếp. Trung Quốc cần phải thoát khỏi sự bao vây của Mỹ. Lợi ích dân tộc và nghĩa vụ quốc tế đã thúc đẩy Trung Quốc tích cực "viện Triều chống Mỹ" và "giúp Việt kháng Pháp". Sau chiến tranh Triều Tiên, Trung Quốc cũng chủ trương sớm giải quyết hoà bình cuộc xung đột ở Đông Dương nhằm ngăn chặn Mỹ mở rộng chiến tranh, đảm bảo hoà bình và an ninh cho Trung Quốc và khu vực Viễn Đông. Chịu tác động của xu thế hoà hoãn, cả Liên Xô và Trung Quốc đều không muốn tiếp tục viện trợ quân sự để Việt Nam có thể giành thắng lợi cao hơn nữa trên chiến trường.

Về phía Pháp, càng kéo dài và mở rộng "cuộc chiến tranh bản thiêu" (sale guerre) ở Đông Dương, quân đội Pháp càng chui sâu vào "con đường hầm không lối thoát". Nước Pháp phải nhận viện trợ Mỹ và lệ thuộc Mỹ, bị dư luận trong nước và thế giới lên án mạnh mẽ, làm cho nội tình không ổn định, phải thay đổi chính phủ nhiều lần. Chiến tranh Đông Dương trở thành một gánh nặng về kinh tế và tâm lý đối với nước Pháp. Khi kế hoạch quân sự Nava bị thất bại, ý chí thực dân và hy vọng giành thắng lợi bằng quân sự của Pháp bị tiêu tan, họ buộc phải tới bàn đàm phán để kết thúc chiến tranh và đảm bảo an toàn cho quân viễn chinh Pháp rút về nước.

Kết quả của cuộc đàm phán Giơnevơ chưa đưa đến thắng lợi hoàn toàn của các lực lượng chống chủ nghĩa thực dân ở Đông Dương, chưa làm thoả mãn nguyện vọng độc lập và thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam cũng như nhân dân hai nước Lào và Campuchia. Rõ ràng là lợi ích của các nước lớn không hoàn toàn đồng nhất với lợi ích của các nước Đông Dương. Sự dàn xếp, thoả hiệp giữa các nước lớn làm phương hại đến lợi ích của Việt Nam, Lào và Campuchia là điều khó tránh ở một hội nghị quốc tế, khi đại diện cho cả ba Chính phủ kháng chiến ở Đông Dương chỉ có một đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Những hạn chế của Hội nghị Giơnevơ do hoàn cảnh khách quan mang lại. Nhưng về mặt chủ quan, cũng cần thấy rõ rằng, Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm trong việc nhận định tình hình và chính sách của các nước lớn. Từ rừng núi đi thẳng đến bàn đàm phán, Việt Nam chưa có đủ thông tin để đánh giá hết khó khăn của Pháp về các mặt chính trị và quân sự, đặc biệt là sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Bên cạnh đó Việt Nam lại đánh giá quá cao cả về ý đồ và khả năng Mỹ can thiệp trực tiếp vào Đông Dương, không thấy được khả năng răn đe của Liên Xô, Trung Quốc và dư luận quốc tế, không thấy hết động cơ của mỗi bên tham gia đàm phán. Các lực lượng kháng chiến ở Việt Nam, Lào và Campuchia đã không thể phối hợp với nhau trong cuộc đấu tranh trên bàn đàm phán. Việt Nam không đủ sức kiên trì đấu tranh cho lợi ích của mình và của bạn, mà phải thuận theo tầm thế của các quan hệ quốc tế lúc đó. Trên thế giới, mỗi quốc gia đều có lợi ích dân tộc của chính mình. Các cường quốc thường có chiến lược toàn cầu và giữ vai trò chi phối các quan hệ quốc tế. Dường như không một vấn đề nào mang tầm cỡ quốc tế được giải quyết mà không có sự can dự của các cường quốc. Trong nhiều trường hợp, sự thoả hiệp

của các nước lớn đã chi phối việc giải quyết các vấn đề khu vực và thế giới mà không tính đến lợi ích của các quốc gia khác.

Thực tiễn trên đây không chỉ biểu hiện trong thời kỳ Chiến tranh lạnh, mà còn đang biểu hiện trong điều kiện sau Chiến tranh lạnh và bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay. Vì thế, trong hoạt động đối ngoại phải đánh giá chính xác tình hình thế giới, nhất là chiến lược của các nước lớn, tôn trọng lợi ích chính đáng của các bên đối tác, đồng thời tìm ra đối sách phù hợp trong từng thời gian, cho từng vấn đề, đảm bảo lợi ích quốc gia dân tộc. Am hiểu bản thân và đối tác là yêu cầu rất quan trọng của quá trình hội nhập, tức là không chỉ "biết mình", mà còn phải "biết người".

3. Bài học về sử dụng con đường đàm phán hoà bình, tăng cường đối thoại và hợp tác để giải quyết các vấn đề xung đột trong quan hệ quốc tế, giữ vững ổn định và cùng phát triển

Hoà bình không chỉ là nguyện vọng của dân tộc Việt Nam mà còn là nguyện vọng chung của nhân loại. Cùng với quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954, Hồ Chí Minh cùng Đảng Lao động Việt Nam chủ trương dùng biện pháp đàm phán hoà bình để kết thúc chiến tranh. Ngày 26-11-1953, khi trả lời phỏng vấn của một nhà báo Thụy Điển, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: nếu Chính phủ Pháp “đã rút được bài học trong cuộc chiến tranh mấy năm nay, muốn đi đến đình chiến ở Việt Nam bằng cách thương lượng và giải quyết vấn đề Việt Nam theo lối hoà bình, thì nhân dân và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà sẵn sàng tiếp ý muốn đó”. Ngày 27-12-1953 Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra thông tri nêu rõ: "Trong lịch sử có nhiều cuộc chiến tranh do thương lượng hoà bình mà đi đến đình chiến". "Nhân dân ta chiến đấu chống bọn đế quốc xâm lược là vì độc lập dân tộc, mà cũng vì hoà bình thế giới". "Ngọn cờ hòa bình phải do tay ta nắm lấy và giương cao lên".

Đảng Lao động Việt Nam cho rằng trong đàm phán hoà bình cần có sự nhân nhượng lẫn nhau: "Muốn đàm phán có kết quả thì ta phải nhân nhượng, nhưng nhân nhượng có chừng mực, trong nguyên tắc, và đối phương cũng phải nhân nhượng với ta". "Phải tránh tả khuynh, đặt yêu cầu quá cao cho cuộc đấu tranh ngoại giao, làm cho các cuộc đàm phán bị bế tắc. Nhưng cũng phải chống hữu khuynh, nhượng bộ cho địch quá mức, làm cho nhân dân chán nản và kẻ địch được đảng chân lân đảng đầu". Thiện chí hoà

binh của Chính phủ và nhân dân Việt Nam mở hướng đi tới một cuộc đàm phán để kết thúc chiến tranh. Cho dù còn những hạn chế nhất định, nhưng Hội nghị Gionevơ, với sự có mặt của cả các nước xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, đã giải quyết hoà bình cuộc chiến tranh Đông Dương, phá khung Chiến tranh lạnh, phá được khuôn mẫu hai phe đối lập nhau. Nó có ý nghĩa hiện thực là đem lại một tinh thần, một kinh nghiệm giải quyết những xung đột quốc tế, giải quyết quan hệ giữa các quốc gia dân tộc bằng biện pháp hoà bình.

Thực tiễn cho thấy chiến tranh và vũ lực không thể chấm dứt được mọi tranh chấp quốc tế. Việc sử dụng chiến tranh và vũ lực trong thế giới ngày nay là hành động không văn minh và không thông minh. Đàm phán hoà bình và hợp tác là con đường phù hợp với lợi ích của mỗi quốc gia dân tộc và toàn nhân loại. Chính vì thế, mà ngay từ khi mới thành lập (1945), Liên hợp quốc đã tuyên bố một trong những nguyên tắc hoạt động là giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình. Trong buổi lễ kéo cờ Việt Nam tại trụ sở Liên hợp quốc (21-9-1977), Tổng Thư ký Liên hợp quốc phát biểu: “Sau cuộc chiến đấu lâu dài và gian khổ giành độc lập, tự do, nhân dân Việt Nam sẽ tham gia vào những cố gắng của Liên hợp quốc nhằm thiết lập hoà bình và công lý trên toàn thế giới”.

Từ Hội nghị Gionevơ 1954 về Đông Dương đến Hội nghị Á - Âu (xuất hiện cuối những năm 90 của thế kỉ XX), quan hệ Đông - Tây đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, từ quan hệ đối tượng sang quan hệ đối tác. Hoà bình, đối thoại và hợp tác là một trào lưu quốc tế, một xu thế chủ yếu của thế giới sau Chiến tranh lạnh. Việt Nam đã và đang hợp tác với các nước trong các tổ chức và các diễn đàn quốc tế, để phát triển, đồng thời để bảo vệ hòa bình thế giới. Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APECT), Hội nghị Á - Âu (ASEM), Tổ chức Thương mại quốc tế (WTO) là những tổ chức khu vực và thế giới với thể chế quan hệ đối tác. Việt Nam là thành viên của các tổ chức này. Hội nhập (integration) là một nhu cầu xuất hiện do tác động của toàn cầu hoá, không có sự phân biệt chế độ chính trị giữa các quốc gia. Dù các nước phát triển hay đang phát triển, các nước tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa đều tham gia quá trình này. Tuy nhiên, mục tiêu của mỗi nước có điều kiện khác nhau, hoặc là theo đuổi mục tiêu lợi nhuận đồng thời không chế thị trường thế giới, chi phối và lôi cuốn những nước nhỏ yếu đi theo quỹ đạo của mình (đối với các nước tư bản chủ nghĩa

phát triển cao), hoặc là tranh thủ điều kiện để xây dựng và phát triển nền kinh tế độc lập tự chủ (đối với các nước dân tộc chủ nghĩa), hoặc là chủ động hội nhập để phục vụ sự phát triển kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tránh tụt hậu và thu hẹp khoảng cách với các nước khác (đối với các nước xã hội chủ nghĩa).

Điều bộc lộ rõ rệt trong quan hệ quốc tế hiện nay là: không quốc gia nào muốn chuốc lấy gánh nặng cho mình, mà đều chú trọng đến lợi ích của chính mình, thậm chí có trường hợp còn áp đặt những "luật chơi" không phù hợp, làm tổn hại đến lợi ích của nước khác. Một số nước lớn có trình độ phát triển cao đang khống chế các tổ chức toàn cầu, áp đặt những quy chế và phương thức hoạt động không bình đẳng, gây thiệt hại cho những nước chậm phát triển. Nhiều nước lớn vẫn luôn thi hành chính sách áp đặt và cường quyền. Lợi dụng việc cho vay vốn, các nước lớn có khả năng gây sức ép về chính trị. Trên thế giới vẫn còn khá phổ biến chính sách dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để can thiệp vào công việc nội bộ của những nước khác.

Để giải quyết các quan hệ quốc tế trong quá trình hội nhập "phải đảm bảo các nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; bình đẳng và cùng có lợi; giải quyết các bất đồng và tranh chấp bằng thương lượng hoà bình; làm thất bại mọi âm mưu và hành động gây sức ép, áp đặt và cường quyền". Để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình, các nước chậm phát triển đang tập hợp lực lượng, đấu tranh chống sức ép của các nước phát triển, nhằm thiết lập một trật tự kinh tế thế giới công bằng. Đó chính là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hoà bình.

4. Bài học về tăng cường thực lực của đất nước, tạo cơ sở vững chắc cho hoạt động đối ngoại, bảo vệ chủ quyền dân tộc, bảo vệ hoà bình và an ninh quốc tế.

Bao giờ cũng vậy, sức mạnh toàn diện của đất nước là cơ sở cho hoạt động đối ngoại. Hồ Chí Minh từng nói: "Thực lực là cái chiêng. Ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to thì tiếng mới lớn". Sẽ không giành thế thắng lợi trên bàn đàm phán nếu không có thắng lợi trên chiến trường. Trước này kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã nỗ lực cứu vãn một nền hoà bình mong manh, dùng biện pháp ngoại giao để giải quyết cuộc xung đột với Pháp, nhưng không mang lại kết quả, vì thực dân Pháp đang hăm hở giành thắng lợi bằng quân sự. Câu trả lời của họ là gửi tối hậu thư

đòi nhân dân Việt Nam phải hạ vũ khí đầu hàng. Từ ngày kháng chiến toàn quốc bùng nổ (19-12-1946) đến đầu tháng 3-1947, với tinh thần "còn nước còn tát", tám lần Hồ Chí Minh gửi thư cho Chính phủ, Quốc hội và nhân dân Pháp, nêu rõ nguyên nhân xung đột, đề nghị ngừng bắn và nối lại các cuộc đàm phán để vẫn hồi hoà bình, nhưng một lần nữa, thiện chí hoà bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam được thực dân Pháp trả lời bằng một cuộc tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc. Nhưng đến giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến, tình hình hoàn toàn thay đổi. Cuộc tiến công chiến lược đông - xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ của quân đội và nhân dân Việt Nam đã làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, và tạo cơ sở thực lực về quân sự cho cuộc đấu tranh ngoại giao để kết thúc cuộc kháng chiến.

Trong bối cảnh toàn cầu hoá, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng, là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Thay cho những khó khăn ác liệt trong thời kỳ chiến tranh là những thử thách rất lớn trong quá trình phát triển và hội nhập. Mặt trận quân sự đã nhường chỗ cho sự phát triển kinh tế và văn hoá, vì mục tiêu “hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh” như lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì sự hợp tác quốc tế không chỉ trên một lĩnh vực, mà ngày càng toàn diện. Thấy rõ mối quan hệ giữa Việt Nam và thế giới, giữa dân tộc và thời đại, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời, trong Lời kêu gọi Liên hợp quốc Hồ Chí Minh nêu rõ chính sách mở cửa và hợp tác quốc tế của Việt Nam trên mọi lĩnh vực: "a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc. d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân”.

Toàn cầu hoá là hiện thực khách quan làm tăng tính tuỳ thuộc vào nhau giữa các quốc gia dân tộc. Sự hợp tác đa phương trở thành tất yếu trong việc giải quyết những vấn đề toàn cầu. Sự hợp tác ngày càng gia tăng, đi đôi với cạnh tranh ngày càng gay gắt. Trong khi điểm xuất phát của Việt Nam còn ở mức thấp về trình độ kinh tế và công nghệ, tham gia vào các tổ chức quốc tế là tham gia những “sân chơi” với những “luật chơi” đã

được định sẵn, và không bao giờ lợi ích được chia đều cho các bên tham gia. Hội nhập quốc tế vừa là quá trình hợp tác, vừa đấu tranh và cạnh tranh, vừa có nhiều cơ hội, vừa không ít thách thức.

Để hội nhập thành công, Việt Nam đã và đang xây dựng và củng cố thực lực của đất nước về mọi mặt. Sự nghiệp đổi mới đã tạo ra bộ mặt mới cho kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp. Nền kinh tế phát triển chưa bền vững. Việc tiếp nhận đầu tư vốn của các nước và tổ chức quốc tế là yêu cầu cần thiết, nhưng phải dựa trên cơ sở có nguồn tích lũy đủ mạnh ở trong nước. Những mặt tiêu cực rất lớn của toàn cầu hoá cũng đặt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vào một vị trí mới, với nội dung rất rộng, bao gồm tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ, thông tin, môi trường... Bối cảnh toàn cầu hoá không cho phép Việt Nam tách mình biệt lập với cộng đồng thế giới, mà phải chủ động tham gia hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, chủ động khai thác những thuận lợi từ bên ngoài, dựa vào những tập hợp lực lượng có lợi, hạn chế những tác động tiêu cực. Quá trình đó được kết hợp chặt chẽ với yêu cầu giữ vững quốc phòng, an ninh. Thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia, củng cố chủ quyền và an ninh đất nước.

Trong xu thế toàn cầu hoá, vừa có những mặt thuận lợi vừa có nhiều vấn đề trắc ẩn, thì quan hệ đối ngoại không chỉ là ra sức tranh thủ thuận lợi cho sự phát triển của đất nước mà còn phải tích cực và chủ động góp phần giữ gìn hoà bình và an ninh quốc tế, "góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng". Cho dù các cường quốc có nhiều khả năng chi phối, nhưng biện chứng của quan hệ quốc tế là ở chỗ: các nước nhỏ bằng những nỗ lực của chính mình có thể tác động trở lại. Sự phối hợp của Việt Nam với các nước trong khu vực, xây dựng một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh là cơ sở để phát huy thế chủ động, cùng tranh thủ những điều kiện thuận lợi, đồng thời hợp tác để vượt qua những thử thách do tình hình quốc tế mang lại, nhằm giữ vững chủ quyền, hoà bình, ổn định và phát triển.